

**THÔNG TƯ**  
**QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN**  
**NGHỊ ĐỊNH SỐ 17/2010/NĐ-CP NGÀY 04 THÁNG 3 NĂM 2010**  
**CỦA CHÍNH PHỦ VỀ BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**  
-----

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 93/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 17/2010/NĐ-CP) như sau:

**Chương I**  
**ĐÀO TẠO NGHỀ ĐẤU GIÁ**

**Điều 1. Khóa đào tạo nghề đấu giá**

1. Khóa đào tạo nghề đấu giá được tổ chức theo hình thức đào tạo tập trung nhằm trang bị cho học viên kiến thức pháp luật cơ bản về bán đấu giá tài sản, đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng hành nghề bán đấu giá, qua đó tiêu chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ đấu giá viên.

Cơ sở đào tạo nghề đấu giá tổ chức các khóa đào tạo nghề theo định kỳ hoặc căn cứ theo nhu cầu đào tạo thực tế.

2. Học viên đăng ký tham dự khóa đào tạo nghề theo thông báo chiêu sinh của cơ sở đào tạo nghề đấu giá.

3. Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá. Thời gian đào tạo nghề là ba tháng, bao gồm thời gian đào tạo tại cơ sở đào tạo nghề và thời gian thực tập tại tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp. Thời gian đào tạo tại cơ sở đào tạo gồm có phần học lý thuyết và phần thực hành, trong đó phần thực hành chiếm 1/2 tổng số tiết học.

**Điều 2. Cơ sở đào tạo nghề đấu giá**

1. Cơ sở đào tạo nghề đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP là Học viện Tư pháp trực thuộc Bộ Tư pháp.

Quyền hạn của cơ sở đào tạo nghề đấu giá:

a) Chiêu sinh theo đúng đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP;

b) Cấp Chứng chỉ đào tạo nghề đấu giá cho học viên đáp ứng đủ điều kiện của khóa đào tạo nghề;

c) Thu học phí của học viên nhằm bù đắp chi phí hợp lý của khóa đào tạo nghề. Việc thu, quản lý và sử dụng nguồn thu từ học phí được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo nghề đấu giá:

a) Xây dựng giáo trình giảng dạy phù hợp với chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá;

- b) Bảo đảm cơ sở vật chất, giảng viên phù hợp với quy mô khóa đào tạo nghề đấu giá;
- c) Báo cáo Bộ Tư pháp về nội dung chương trình đào tạo, giáo trình giảng dạy, danh sách học viên, giảng viên tham gia giảng dạy chậm nhất là mười ngày làm việc trước ngày mở khóa đào tạo;
- d) Tổ chức việc thực tập và đánh giá kết quả thực tập của học viên;
- đ) Gửi báo cáo kết quả tổ chức khóa đào tạo nghề đấu giá về Bộ Tư pháp trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày kết thúc khóa học.

### **Điều 3. Giảm thời gian đào tạo nghề đấu giá**

1. Những người có bằng tốt nghiệp đại học ngành luật theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP được giảm thời gian đào tạo kiến thức pháp luật nhưng không vượt quá 1/3 tổng số tiết học của phần kiến thức pháp luật trong chương trình đào tạo nghề đấu giá.

2. Cơ sở đào tạo nghề đấu giá thực hiện việc giảm thời gian đào tạo nghề đấu giá căn cứ vào quy định tại Thông tư này, chương trình của khóa đào tạo nghề đấu giá và quy chế đào tạo của tổ chức mình.

### **Điều 4. Thực tập nghề đấu giá**

1. Cơ sở đào tạo nghề đấu giá có trách nhiệm liên hệ với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để tiếp nhận học viên thực tập, hướng dẫn viết báo cáo kết quả thực tập, đánh giá việc thực tập của học viên.

2. Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, doanh nghiệp bán đấu giá tài sản nơi nhận học viên thực tập có trách nhiệm tạo điều kiện cho học viên thực tập; cho phép học viên tham dự các cuộc đấu giá tài sản; cử đấu giá viên có kinh nghiệm bán đấu giá tài sản để hướng dẫn thực tập, giám sát và nhận xét về quá trình thực tập của học viên.

3. Học viên thực tập phải tuân thủ nội quy, quy chế của tổ chức bán đấu giá tài sản nơi mình thực tập, thực hiện các công việc theo sự hướng dẫn của đấu giá viên; hoàn thành báo cáo kết quả thực tập và nộp cho cơ sở đào tạo nghề đấu giá.

## **Chương II ĐẤU GIÁ VIÊN**

### **Điều 5. Đăng ký danh sách đấu giá viên**

1. Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp thực hiện đăng ký danh sách đấu giá viên và việc thay đổi, bổ sung danh sách đấu giá viên của tổ chức mình tại Sở Tư pháp nơi tổ chức bán đấu giá tài sản đặt trụ sở chính; đăng ký danh sách đấu giá viên, thay đổi, bổ sung đấu giá viên của chi nhánh của doanh nghiệp bán đấu giá tài sản tại Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở của chi nhánh.

Hồ sơ đăng ký gồm một bộ giấy tờ sau đây:

- a) Văn bản đề nghị của tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp, kèm theo danh sách đấu giá viên;
- b) Bản sao Chứng chỉ hành nghề đấu giá;
- c) Bản sao quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động.

2. Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tư pháp ghi vào sổ theo dõi về việc đăng ký đấu giá viên, bổ sung, thay đổi đấu giá viên và thông báo bằng văn bản cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp.

### **Điều 6. Thẻ đấu giá viên**

1. Giám đốc Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, doanh nghiệp bán đấu giá tài sản cấp Thẻ đấu giá viên cho đấu giá viên để sử dụng trong thời gian làm việc tại Trung tâm, doanh nghiệp theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư này và mẫu phôi Thẻ do Bộ Tư pháp cung cấp.

2. Đấu giá viên phải đeo Thẻ trong khi điều hành cuộc bán đấu giá tài sản.

**Điều 7. Thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá**

1. Người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá khi không làm việc thường xuyên tại tổ chức bán đấu giá tài sản, không còn hoạt động trong lĩnh vực bán đấu giá tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP là trường hợp người đó không thuộc đối tượng được trả lương, trả công trong thời gian liên tục một năm tại Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản hoặc doanh nghiệp bán đấu giá tài sản.

2. Khi có đấu giá viên thuộc trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá theo quy định tại Điều 11 của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP, tổ chức bán đấu giá tài sản không phân công đấu giá viên đó điều hành các cuộc bán đấu giá tài sản, thông báo ngay bằng văn bản cho Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở chính của tổ chức bán đấu giá tài sản hoặc Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở của Chi nhánh, trong đó nêu rõ lý do người đó thuộc trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ kèm theo các giấy tờ chứng minh (nếu có).

Trường hợp tổ chức, cá nhân khác phát hiện người có Chứng chỉ hành nghề đấu giá thuộc trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ thì thông báo cho Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở của tổ chức bán đấu giá tài sản có người thuộc trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ. Sở Tư pháp có trách nhiệm tiến hành xem xét, xác minh để xử lý theo thẩm quyền.

Chậm nhất là bảy ngày làm việc kể từ ngày Sở Tư pháp phát hiện người có Chứng chỉ hành nghề đấu giá thuộc trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ thì Sở Tư pháp phải có văn bản đề nghị Bộ Tư pháp thu hồi Chứng chỉ, kèm theo các giấy tờ chứng minh người đó thuộc trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ.

3. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá; đối với trường hợp phức tạp thì không quá ba mươi ngày. Trong trường hợp không đủ căn cứ để thu hồi Chứng chỉ thì Bộ Tư pháp thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá được gửi cho người bị thu hồi Chứng chỉ, tổ chức bán đấu giá tài sản nơi người đó làm việc, Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở chính của tổ chức bán đấu giá tài sản.

4. Người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá phải nộp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá, Thẻ đấu giá viên chậm nhất là mười ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá có hiệu lực.

**Điều 8. Cấp đổi Thẻ đấu giá viên được cấp theo quy định của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP**

1. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, người đã được cấp Thẻ đấu giá viên theo quy định của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản phải làm thủ tục đề nghị Bộ Tư pháp cấp đổi Thẻ đấu giá viên thành Chứng chỉ hành nghề đấu giá.

Hồ sơ đề nghị cấp đổi gồm có:

a) Đơn đề nghị Bộ Tư pháp cấp đổi Thẻ đấu giá viên theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Thẻ đấu giá viên;

c) 02 ảnh 3 cm x 4cm.

2. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá theo quy định, Bộ Tư pháp cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá cho người đề nghị cấp đổi; trong trường hợp từ chối thì thông báo lý do bằng văn bản. Người được cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá phải nộp lại Thẻ đấu giá viên đã được cấp.

**Điều 9. Điều hành cuộc bán đấu giá của Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện**

Trong trường hợp Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện ký hợp đồng với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để cử đấu giá viên điều hành cuộc bán đấu giá tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP, thì đấu giá viên chịu trách nhiệm điều hành cuộc bán đấu giá tài sản của Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện. Kết thúc cuộc bán đấu giá, đấu giá viên lập hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá và chuyển cho Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện ký hợp đồng với người mua được tài sản bán đấu giá.

### **Chương III** **TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN VÀ TRÌNH TỰ,** **THỦ TỤC BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

#### **Điều 10.** Người có tài sản bán đấu giá

Người có tài sản bán đấu giá quy định tại khoản 6 Điều 2 của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP là cá nhân, tổ chức sau đây:

1. Chủ sở hữu tài sản, người được chủ sở hữu ủy quyền bán tài sản.
2. Người có trách nhiệm chuyển giao tài sản để bán đấu giá là cơ quan quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý sử dụng hoặc chủ trì xử lý tài sản nhà nước.
4. Ngân hàng, tổ chức tín dụng đối với tài sản bảo đảm.
5. Chấp hành viên, cơ quan thi hành án dân sự, cá nhân, tổ chức khác có thẩm quyền xử lý tài sản của người khác thông qua bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 11.** Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản

1. Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản được lập chi nhánh ở trong và ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Chi nhánh của doanh nghiệp bán đấu giá tài sản được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về bán đấu giá tài sản.

2. Trong trường hợp doanh nghiệp bán đấu giá tài sản lập chi nhánh tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, thì trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản về việc lập chi nhánh cho Sở Tư pháp nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh.

Trường hợp doanh nghiệp lập chi nhánh tại tỉnh, thành phố khác nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính thì trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, doanh nghiệp bán đấu giá tài sản phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở của chi nhánh, kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh.

3. Nội dung thông báo của doanh nghiệp bán đấu giá tài sản nêu tại khoản 2 Điều này gồm các nội dung sau đây:

- a) Tên và địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;
- b) Ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp;
- c) Tên chi nhánh;
- d) Địa chỉ trụ sở chi nhánh;
- đ) Nội dung, phạm vi hoạt động của chi nhánh;
- e) Họ, tên, nơi cư trú, số Giấy chứng minh nhân dân của người đứng đầu chi nhánh.

4. Đối với doanh nghiệp bán đấu giá tài sản đồng thời có chức năng thẩm định giá, nếu doanh nghiệp hoặc chi nhánh của doanh nghiệp hoặc các tổ chức trực thuộc doanh nghiệp, đơn vị kinh tế mà doanh nghiệp đó có cổ phần chi phối đã tiến hành thẩm định giá tài sản để bán đấu giá thì doanh nghiệp bán đấu giá tài sản không được đồng thời tiến hành bán đấu giá tài sản đó.

**Điều 12.** Hội đồng bán đấu giá tài sản trong trường hợp đặc biệt

1. Việc xác định tài sản nhà nước có giá trị lớn, phức tạp do đại diện chủ sở hữu có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Trường hợp không thuê được tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp là trường hợp đã hết thời hạn thông báo công khai về việc thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để thực hiện bán đấu giá tài sản mà không có tổ chức nào đăng ký tham gia hoặc đã tiến hành đấu thầu mà không có tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp nào trúng thầu.

Thông báo công khai về việc thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để thực hiện bán đấu giá tài sản phải được gửi cho các tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp tại địa phương và phải được thông báo ít nhất hai lần, mỗi lần cách nhau ba ngày trên phương tiện thông tin đại chúng của Trung ương hoặc địa phương.

**Điều 13.** Quy chế bán đấu giá tài sản

1. Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, doanh nghiệp bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản ban hành quy chế bán đấu giá tài sản của tổ chức mình phù hợp với quy định của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP; thực hiện nghiêm túc quy chế bán đấu giá tài sản trong quá trình tổ chức bán đấu giá.

2. Quy chế bán đấu giá tài sản bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá;
- b) Quy định về phí tham gia đấu giá, tiền đặt trước;
- c) Quy định về cách thức đấu giá;
- d) Nguyên tắc xác định bước giá;
- đ) Quy định về việc rút lại đăng ký tham gia đấu giá, xử lý khoản tiền đặt trước của người đăng ký tham gia đấu giá khi rút lại đăng ký tham gia đấu giá trong thời hạn đăng ký;
- e) Các trường hợp không được tiếp tục tham gia đấu giá;
- g) Các trường hợp không được trả lại tiền đặt trước;
- h) Nội dung cần thiết khác liên quan đến việc tổ chức bán đấu giá tài sản.

**Điều 14.** Niêm yết, thông báo công khai việc bán đấu giá tài sản

1. Tổ chức bán đấu giá tài sản thực hiện niêm yết việc bán đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP.

2. Đối với tài sản bán đấu giá là bất động sản, khi niêm yết tại nơi có bất động sản thì tổ chức bán đấu giá tài sản lưu tài liệu, hình ảnh về việc niêm yết trong hồ sơ hoặc lập văn bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có bất động sản bán đấu giá về việc đã niêm yết, thông báo công khai.

**Điều 15.** Trình tự tiến hành cuộc bán đấu giá tài sản

1. Việc tiến hành cuộc bán đấu giá tài sản phải tuân theo thủ tục bán đấu giá tài sản quy định tại Điều 34 của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP, quy chế bán đấu giá tài sản do tổ chức bán đấu giá tài sản quy định.

2. Đấu giá viên công bố bước giá ngay từ khi bắt đầu cuộc bán đấu giá tài sản và có thể điều chỉnh bước giá cho phù hợp với từng vòng đấu giá trong khi điều hành cuộc bán đấu giá.

3. Đối với hình thức đấu giá trực tiếp bằng lời nói, đấu giá viên nhắc lại giá khởi điểm, yêu cầu người tham gia đấu giá bắt đầu trả giá từ giá khởi điểm. Sau mỗi lần người tham gia đấu giá trả giá, đấu giá viên nhắc lại ba lần, rõ ràng, chính xác bằng lời nói giá đã trả cao nhất, mỗi lần cách nhau khoảng ba mươi giây. Sau ba lần nhắc lại, nếu không có người trả giá tiếp thì đấu giá viên công bố kết quả.

4. Đối với hình thức đấu giá bằng bỏ phiếu thì số vòng bỏ phiếu, cách thức tiến hành bỏ phiếu phải được tổ chức bán đấu giá tài sản hoặc đấu giá viên thỏa thuận với người có tài sản bán đấu giá.

Trong trường hợp thực hiện cách thức bỏ phiếu nhiều vòng thì mỗi người tham gia đấu giá được phát một tờ phiếu trả giá, ghi giá muốn trả vào phiếu của mình và bỏ phiếu vào hòm phiếu. Sau khi thu hết các phiếu đã phát, đấu giá viên công bố mức giá trả cao nhất của vòng bỏ phiếu mà không công bố tên của người đã trả giá cao nhất, tiếp tục phát phiếu cho những người tham gia đấu giá để bắt đầu trả giá cho vòng tiếp theo. Cuộc bán đấu giá kết thúc khi không còn ai yêu cầu trả giá tiếp.

5. Các hình thức đấu giá khác do người có tài sản bán đấu giá và tổ chức bán đấu giá tài sản thỏa thuận phải tuân theo nguyên tắc, trình tự, thủ tục bán đấu giá tài sản quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP và Thông tư này.

**Điều 16.** Bán đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất

1. Tổ chức phát triển quỹ đất hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao xử lý việc bán đấu giá quyền sử dụng đất phải ký hợp đồng bán đấu giá tài sản với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 25 của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP để thực hiện việc bán đấu giá quyền sử dụng đất; thu tiền bán đấu giá quyền sử dụng đất của người mua được tài sản và thanh toán phí bán đấu giá cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp.

2. Khi thực hiện việc bán đấu giá quyền sử dụng đất, tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp tiến hành các công việc sau đây:

a) Niêm yết, thông báo việc bán đấu giá, thu phí hồ sơ tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước;

b) Tiến hành cuộc bán đấu giá theo trình tự quy định tại Điều 34 của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP và Điều 15 của Thông tư này, không ký hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá mà chuyển toàn bộ hồ sơ phiên đấu giá trong thời hạn chậm nhất là ba ngày làm việc kèm theo danh sách người mua được tài sản bán đấu giá cho Tổ chức phát triển quỹ đất hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao xử lý việc bán đấu giá quyền sử dụng đất để hoàn thiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, ban hành quy chế bán đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất phù hợp với quy định của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP, Thông tư này và pháp luật về đất đai.

Nội dung của quy chế cần quy định rõ cơ quan, đơn vị được giao ký kết hợp đồng bán đấu giá quyền sử dụng đất; cơ quan, đơn vị thực hiện các thủ tục đề nghị Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ở địa phương giao cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp thực hiện việc bán đấu giá quyền sử dụng đất thì quyền và nghĩa vụ của các đơn vị liên quan phải được quy định rõ trong quy chế bán đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất tại địa phương.

**Điều 17.** Xử lý khoản tiền đặt trước trong trường hợp từ chối mua tài sản bán đấu giá là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, tài sản thi hành án

1. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, khoản tiền đặt trước của người từ chối mua tài sản bán đấu giá theo quy định tại Điều 39 của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP thuộc về người có tài sản bán đấu giá là cơ quan có thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Khoản tiền này được quản lý, sử dụng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Đối với tài sản thi hành án, khoản tiền đặt trước của người từ chối mua tài sản bán đấu giá theo quy định tại Điều 39 của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP thuộc về người có tài sản bán đấu giá là cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thi hành án và được sử dụng để thanh toán các chi phí phát sinh liên quan đến việc xử lý tài sản, chi phí bán đấu giá tài sản đó. Khoản tiền này được quản lý, sử dụng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

**Điều 18. Lập sổ theo dõi công việc và lưu hồ sơ**

1. Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, doanh nghiệp bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản phải thực hiện việc lập sổ theo dõi công việc, cụ thể như sau:

a) Sổ đăng ký bán đấu giá tài sản: Theo dõi việc đăng ký tham gia đấu giá, số lượng người đăng ký và các thông tin cần thiết khác (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Sổ theo dõi tài sản bán đấu giá: Theo dõi chủng loại, số lượng tài sản bán đấu giá, kết quả bán đấu giá tài sản, thông tin của người mua được tài sản và các thông tin cần thiết khác (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Các loại sổ quy định tại khoản 1 Điều này và hồ sơ công việc phải được lưu giữ tại trụ sở của tổ chức bán đấu giá tài sản.

Việc ghi chép, bảo quản, lưu giữ các loại sổ theo dõi, hồ sơ công việc, hợp đồng lao động, hợp đồng bán đấu giá tài sản, hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động, pháp luật về bán đấu giá tài sản và các quy định pháp luật khác có liên quan.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 19. Nhiệm vụ của Sở Tư pháp**

Ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 2 Điều 53 của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP, Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

1. Lập danh sách đấu giá viên, cập nhật nội dung thay đổi, bổ sung danh sách đấu giá viên của Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, doanh nghiệp bán đấu giá tài sản, chi nhánh của doanh nghiệp bán đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh, thành phố.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, theo dõi và cập nhật thông tin liên quan đến các doanh nghiệp bán đấu giá tài sản tại địa phương.

3. Công bố danh sách, cập nhật theo định kỳ hàng quý danh sách Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, doanh nghiệp bán đấu giá tài sản, chi nhánh của doanh nghiệp bán đấu giá tài sản, danh sách đấu giá viên trên địa bàn tỉnh, thành phố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của Sở Tư pháp để các tổ chức, cá nhân biết và liên hệ.

4. Theo dõi, phát hiện và gửi văn bản đề nghị Bộ Tư pháp thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá theo quy định.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành có liên quan thực hiện kiểm tra về tổ chức, hoạt động bán đấu giá tài sản theo định kỳ, kiểm tra đột xuất trong trường hợp cần thiết hoặc theo yêu cầu của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở của tổ chức bán đấu giá tài sản.

Đối tượng kiểm tra là các tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp, chi nhánh của các doanh nghiệp bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản trong phạm vi địa phương. Thời gian và nội

dung kiểm tra định kỳ phải được thông báo cho cơ quan, tổ chức nơi tiến hành kiểm tra chậm nhất là bảy ngày trước khi tiến hành kiểm tra.

6. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 20. Chế độ báo cáo**

1. Định kỳ 06 tháng và hàng năm, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, doanh nghiệp bán đấu giá tài sản, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thành lập Hội đồng bán đấu giá tài sản thực hiện việc báo cáo về tổ chức, hoạt động bán đấu giá tài sản cho Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở của tổ chức bán đấu giá tài sản theo Mẫu số 09, Mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn gửi báo cáo định kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp.

Ngoài báo cáo định kỳ, trong trường hợp đột xuất, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, doanh nghiệp bán đấu giá tài sản, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thành lập Hội đồng bán đấu giá tài sản báo cáo về tổ chức và hoạt động của tổ chức mình theo yêu cầu của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền.

2. Định kỳ hàng năm, Sở Tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ Tư pháp về tổ chức và hoạt động bán đấu giá tài sản tại địa phương theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn gửi báo cáo định kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tư pháp.

Ngoài báo cáo định kỳ, trong trường hợp đột xuất, Sở Tư pháp báo cáo về tổ chức và hoạt động bán đấu giá tài sản tại địa phương theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tư pháp.

**Điều 21. Quy định chuyển tiếp**

1. Đối với các Hội đồng đấu giá được thành lập trước ngày 01/7/2010 đã tiếp nhận việc bán đấu giá quyền sử dụng đất đối với một số lô đất cụ thể và đã tiến hành việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, có phương án bán đấu giá được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 01/7/2010 thì có thể tiếp tục thực hiện việc bán đấu giá lô đất đó theo trình tự, thủ tục quy định tại Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất được ban hành kèm theo Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg ngày 31/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản.

2. Đối với các hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản đã được thực hiện trước ngày 01/7/2010, nếu chưa thực hiện xong thì tiếp tục thực hiện các công việc còn lại theo trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản.

**Điều 22. Biểu mẫu kèm theo Thông tư**

Ban hành kèm theo Thông tư các mẫu sổ và biểu mẫu giấy tờ sau đây:

1. Sổ đăng ký bán đấu giá tài sản (Mẫu số 01).
2. Sổ theo dõi tài sản bán đấu giá (Mẫu số 02).
3. Giấy biên nhận (Mẫu số 03).
4. Biên bản bán đấu giá tài sản (Mẫu số 04).
5. Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá (Mẫu số 05).
6. Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá (Mẫu số 06).
7. Đơn đề nghị cấp đổi Thẻ đấu giá viên (Mẫu số 07).
8. Thẻ đấu giá viên (Mẫu số 08).
9. Báo cáo của Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, doanh nghiệp bán đấu giá tài sản (Mẫu số 09).
10. Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện về tổ chức, hoạt động bán đấu giá tài sản của Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện (Mẫu số 10).



11. Báo cáo của Hội đồng bán đấu giá tài sản trong trường hợp đặc biệt (Mẫu số 11).
12. Báo cáo của Sở Tư pháp về tổ chức, hoạt động bán đấu giá tài sản tại địa phương (Mẫu số 12).

**Điều 23.** Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 01 năm 2011.

Thông tư này thay thế Thông tư số 03/2005/TT-BTP ngày 04 tháng 5 năm 2005 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản.

2. Các Sở Tư pháp, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, doanh nghiệp bán đấu giá tài sản, đấu giá viên và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tư pháp để hướng dẫn, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Vụ BTTP (5 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**  
(Đã ký)

**Nguyễn Đức Chính**



E:\File mạng\Thang  
12\141210\Mau dinh